BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

v/v xây dựng Nghị định về Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Ngoại giao đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định về Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Ngoại giao xin báo cáo như sau:

I. Thực trạng vấn đề liên quan đến chính sách

Ngày 04/12/2000, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 139/2000/QĐ-TTg ban hành kèm theo Quy chế về Lãnh sự danh dự (LSDD) nước ngoài tại Việt Nam (Quy chế 139). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng quy định quy trình, thủ tục giải quyết đề nghị thành lập Cơ quan lãnh sự (CQLS) nước ngoài tại Việt Nam do LSDD đứng đầu; tiêu chuẩn, thủ tục chấp thuận LSDD nước ngoài tại Việt Nam; quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho LSDD, cũng như khu vực hoạt động của LSDD tại Việt Nam. Quy chế 139 đã cụ thể hóa tương đối đầy đủ các quy định của Công ước Viên năm 1963 về Quan hệ lãnh sự áp dụng đối với CQLS do LSDD đứng đầu và LSDD.

1. Kết quả đạt được

- Tính đến nay, Bộ Ngoại giao đã làm thủ tục thành lập **50** Cơ quan lãnh sự do LSDD đứng đầu hoạt động tại **04** khu vực lãnh sự là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh cũng như bổ nhiệm các LSDD đứng đầu các Cơ quan lãnh sự này, cụ thể như sau:

- **Hà Nội**: **14** CQLS (Ác-mê-ni-a, Ai-xơ-len, Bồ Đào Nha, Crô-a-ti-a, Ghi-nê Bít-xao, Lát-vi-a, Lít-va, Lúc-xăm-bua, Mô-na-cô, Pa-lau, San Ma-ri-nô, U-dơ-bê-ki-xtan, Xây-sen, Xên Kít và Nê-vít);

- **Hải Phòng**: **01** CQLS (Séc);

- **Đà Nẵng**: **01** CQLS (Tây Ban Nha);

- **Tp. Hồ Chí Minh**: **34** CQLS (Ai-xơ-len, Áo, Bỉ, Bồ Đào Nha, Bra-xin, Ca-dắc-xtan, Chi-lê, Cốt-đi-voa, E-xtô-ni-a, En Xan-va-do, Hy Lạp, Lít-va, Lúc-

xem-bua, Man-ta, Mê-hi-cô, Mi-an-ma, Mông Cổ, Nam Phi, Na Uy, Pa-ki-xtan, Pa-lau, Phần Lan, Phi-líp-pin, Séc, Séc-bi-a, Síp, Ru-ma-ni, Tây Ban Nha, Thụy Điển, U-crai-na, U-ru-goay, Xlô-va-kia, Xri Lan-ca, Xu-đăng).

Các LSDD đều hoạt động hiệu quả và có những đóng góp nổi bật vào sự phát triển kinh tế, thương mại, văn hóa của Việt Nam và tăng cường công tác bảo hộ công dân, pháp nhân của Nước cử trên lãnh thổ Việt Nam.

- Sau gần 20 năm ban hành, việc triển khai thực hiện Quy chế 139 đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể: (i) Tạo khuôn khổ pháp lý cho việc chấp thuận thành lập CQLS nước ngoài do LSDD đứng đầu và chấp thuận LSDD nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Quy định quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho LSDD theo Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự và Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, CQLS và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993, giúp cho công tác quản lý và triển khai được thực hiện thống nhất; (iii) Đáp ứng được nhu cầu CQLS nước ngoài tại Việt Nam và chấp thuận LSDD của các nước nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác, tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo hộ công dân và pháp nhân nước cử tại Việt Nam.

2. Những tồn tại và hạn chế

a. Từ góc độ thủ tục chấp thuận LSDD

(i) Việc chấp thuận LSDD

Pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể thẩm quyền của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ trong việc cho phép phía nước ngoài lập CQLS danh dự tại Việt Nam cũng như xác định khu vực lãnh sự mà LSDD được phép hoạt động.

Về thẩm quyền chấp thuận việc thành lập CQLS danh dự nước ngoài, hiện Bộ Ngoại giao thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 6818/VPCP-QHQT ngày 23/11/2005 của Văn phòng Chính phủ (thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Vũ Khoan). Phù hợp với thông báo trên của Văn phòng Chính phủ, thời gian qua Bộ Ngoại giao làm thủ tục chấp thuận việc thành lập CQLS danh dự nước ngoài theo hướng: (i) trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập CQLS danh dự đối với những CQLS được đặt ở khu vực mới trên lãnh thổ Việt Nam (ngoài Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh); và (ii) chủ động quyết định việc cho phép nước ngoài thành lập CQLS danh dự nếu khu vực lãnh sự nằm tại hai thành phố trên.

Do đó, Bộ Ngoại giao thấy rằng việc quy định tại Nghị định này về thẩm quyền (như một phần của thủ tục) chấp thuận cho phía nước ngoài lập CQLS

danh dự là cần thiết; đảm bảo việc thực thi thuận lợi, hiệu quả và là thông tin hữu ích để các nước có nhu cầu lập CQLS danh dự tại Việt Nam biết, thực hiện.

(ii) Quốc tịch của LSDD

Theo quy định tại Điều 22 Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự mà Việt Nam là thành viên thì viên chức lãnh sự (bao gồm lãnh sự chuyên nghiệp và LSDD) về nguyên tắc phải có quốc tịch Nước cử, chỉ được phép là người mang quốc tịch nước tiếp nhận hoặc nước thứ ba khi nước tiếp nhận đồng ý. Trong khi đó, khoản 1 Điều 4 Quy chế 139 quy định: LSDD nước ngoài tại Việt Nam phải có quốc tịch Nước cử hoặc quốc tịch Việt Nam (không đề cập tới ứng cử viên mang quốc tịch nước thứ ba). Như vậy pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc LSDD là công dân của nước thứ ba trong khi thực tế nhiều nước đã chấp thuận LSDD là người có thể mang quốc tịch nước thứ ba.

Trên thực tế, thời gian qua Bộ Ngoại giao nhận được đề nghị của một số nước đề cử ứng viên LSDD mang quốc tịch nước thứ ba hoặc đa quốc tịch như Mác-san (mang quốc tịch Trung Quốc), Mô-na-cô (mang quốc tịch Thụy Sỹ, Pháp), Mê-xi-cô (mang quốc tịch Đức, gốc Việt Nam). Đến nay, ta đã chấp thuận cho LSDD Mô-na-cô, Mê-xi-cô và từ chối đề cử của Mác-san. Ngoài ra một số nước có nhu cầu bổ nhiệm LSDD tại Việt Nam cũng thăm dò quy định của ta về vấn đề này trước khi bổ nhiệm.

(iii) Quy chế chấp thuận, chấm dứt, tạm dừng hoạt động của CQLS và LSDD.

Quy chế 139 chưa có các quy định cụ thể liên quan đến quy trình và hồ sơ xin chấp thuận CQLS danh dự và LSDD; chấm dứt, tạm dừng hoạt động của CQLS danh dự và LSDD; chưa có quy định phân định rõ ràng trong việc LSDD thực hiện chức năng lãnh sự và thực hiện các hoạt động tư của mình; một số quy định về việc cấp giấy tờ cho CQLS danh dự và LSDD còn được quy định lẻ tẻ ở nhiều văn bản cấp Bộ.

b. Từ góc độ quy chế hoạt động của LSDD

(i) Quy định về khu vực lãnh sự

Theo Điều 3 Quy chế 139, khu vực lãnh sự của CQLS do LSDD đứng đầu không vượt quá địa giới hành chính của một tỉnh hoặc một thành phố trực thuộc Trung ương.

Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự không hạn chế và giới hạn khu vực lãnh sự của LSDD chỉ trong một địa giới hành chính, hay một tỉnh, thành nhất định; không giới hạn việc một LSDD chỉ được đứng đầu một CQLS.

Các vấn đề này thuộc thẩm quyền hoàn toàn và trên cơ sở thỏa thuận giữa nước tiếp nhận và nước ủy nhiệm LSDD (Nước cử). Điều này chưa phù hợp với thực tế hiện nay tại một số nước.

Quy định về khu vực lãnh sự cho LSDD tại Quy chế 139 (chỉ giới hạn địa bàn trong 01 tỉnh/thành phố và mỗi LSDD chỉ đứng đầu 01 CQLS danh dự) không còn phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Quy định này cũng không phù hợp với nguyên tắc đối đẳng (trường hợp LSDD của ta tại Mô-na-cô như nêu ở trên) trong quan hệ quốc tế và gây khó khăn cho ta khi các nước yêu cầu áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

Trên cơ sở nhu cầu thực tiễn và nguyên tắc có đi có lại, việc quy định mở rộng giới hạn khu vực lãnh sự của LSDD là cần thiết; Nước cử sẽ không phải bổ nhiệm nhiều LSDD khác nhau tại từng khu vực lãnh sự. Theo đó, khu vực lãnh sự cho LSDD có thể là địa bàn một hoặc nhiều tỉnh/thành phố để mang lại hiệu quả, lợi ích lớn hơn cho Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của LSDD trên lãnh thổ Việt Nam.

(ii) Thực hiện các quyền ưu đãi, miễn trừ đối với CQLS danh dự và LSDD

Hiện nay, ta chưa có hướng dẫn cụ thể đối với quy định tại Pháp lệnh 1993 về việc treo quốc kỳ, quốc huy của Nước cử, biển tên tại trụ sở CQLS do LSDD đứng đầu. Vướng mắc phát sinh từ thực tế là khó phân định giữa hoạt động thực hiện chức năng của LSDD và hoạt động nghề nghiệp, kinh doanh của LSDD; bên cạnh đó, trụ sở LSDD cũng thường là một bộ phận nằm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh của LSDD hoặc nhiều trường hợp trụ sở CQLS do LSDD đứng đầu chỉ là một phòng hoặc một khu vực riêng biệt đặt trong trụ sở kinh doanh (có thể là cơ sở sản xuất rộng nhiều hec-ta).

Như vậy, từ các tồn tại và hạn chế nêu trên có thể thấy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, một số quy định của Quy chế 139 không còn đáp ứng được tình hình và bộc lộ một số bất cập, dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết đề nghị của các nước trong việc thành lập CQLS do LSDD đứng đầu tại Việt Nam; việc chấp thuận LSDD; quyền ưu đãi, miễn trừ cũng như quản lý hoạt động của các CQLS này.

Bên cạnh đó, nhiều quốc gia thực hiện chính sách tiết kiệm, cắt giảm biên chế tại Cơ quan đại diện ở nước ngoài; nhiều nước chưa có Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc CQLS tại Việt Nam cũng chủ trương tiết kiệm chi phí thông qua việc mở CQLS do LSDD đứng đầu. Điều này dẫn đến việc số lượng LSDD nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua tăng lên nhanh chóng và có xu hướng tiếp tục tăng.

Trước tình hình đó, việc đánh giá tình hình, báo cáo tổng kết thực hiện Quy chế 139 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành văn bản mới quy định quy chế của LSDD nước ngoài tại Việt Nam là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc chấp thuận và quản lý LSDD nước ngoài tại Việt Nam, bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

II. Tổ chức thực hiện rà soát

Toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến LSDD nước ngoài tại Việt Nam được tiến hành rà soát để đảm bảo các nội dung quy định là phù hợp, thống nhất với các quy định hiện hành theo nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp lý từ các văn bản quy phạm pháp luật.

Việc rà soát các văn bản pháp luật về LSDD, nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc: (i) Đảm bảo phù hợp với Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963 mà Việt Nam là thành viên; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thông lệ quốc tế có liên quan; (ii) Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ đối với Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, CQLS và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993 và các văn bản quy phạm pháp luật khác; (iii) Đảm bảo quy định đầy đủ, chặt chẽ, hiệu quả trong áp dụng và triển khai thống nhất giữa các cơ quan trung ương và địa phương; bảo đảm mở rộng mạng lưới LSDD phù hợp với chính sách đối ngoại rộng mở và năng lực quản lý của ta.

Quá trình rà soát đã kế thừa, sử dụng có hiệu quả kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và cập nhật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật thể chế hoá các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, đặc biệt là tạo thuận lợi cho việc xây dựng Nghị định mới phù hợp với tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội trên cơ sở rà soát, đánh giá thế mạnh, tồn tại, hạn chế của các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời sửa đổi.

III. Kết quả rà soát văn bản

1. Bộ Ngoại giao đã tiến hành hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực được sắp xếp theo thẩm quyền, theo thời gian ban hành thuộc lĩnh vực LSDD nước ngoài tại Việt Nam.

2. Rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến dự thảo Nghị định; so sánh, đối chiếu các quy định có liên quan đến pháp luật về quy trình, thủ tục giải quyết thành lập CQLS nước ngoài tại Việt Nam, về

tiêu chuẩn; thủ tục chấp thuận LSDD nước ngoài tại Việt Nam; quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho LSDD cũng như phạm vi hoạt động của LSDD trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Tổng số văn bản đã được rà soát: 14 văn bản gồm: 01 Điều ước; 9 Luật; 01 Pháp lệnh; 02 Nghị định và 01 Quyết định (*Phụ lục kèm theo*).

Một số văn bản có nội dung liên quan trực tiếp:

- Pháp lệnh số 25-L/CTN, ngày 23/08/1993 về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, CQLS và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

- Nghị định của Chính phủ số 73-CP ngày 30/7/1994 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

- Quyết định số 139/2000/QĐ-TTg, ngày 04/12/2000 ban hành Quy chế về LSDD của nước ngoài tại Việt Nam (Quy chế 139).

IV. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị, đề xuất

1. Nhận xét, đánh giá

Việc ban hành Pháp lệnh năm 1993 và Quyết định số 139/2000/QĐ-TTg ban hành kèm theo Quy chế về LSDD nước ngoài tại Việt Nam (Quy chế 139) đã góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý trong việc xác định quy định quy trình, thủ tục giải quyết đề nghị thành lập CQLS nước ngoài tại Việt Nam do LSDD đứng đầu; tiêu chuẩn, thủ tục chấp thuận LSDD nước ngoài tại Việt Nam; quy chế hoạt động của LSDD, quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho LSDD, cũng như khu vực hoạt động của LSDD tại Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, một số quy định của Quy chế 139 không còn đáp ứng được tình hình và bộc lộ một số hạn chế, dẫn đến khó khăn trong thực tiễn. Việc xây dựng Nghị định về LSDD nước ngoài tại Việt Nam nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực hiện các nhiệm vụ mà Pháp lệnh năm 1993 giao cho Chính phủ hướng dẫn, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế; phù hợp với Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật; thể hiện rõ sự chủ động của Nhà nước ta trong hội nhập quốc tế và thiện chí của Chính phủ Việt Nam trong việc giải quyết nhu cầu bổ nhiệm LSDD của nước ngoài tại Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với LSDD và hoạt động của LSDD nước ngoài tại Việt Nam.

2. Một số vấn đề còn thiếu, bất cập trong các quy định pháp lý hiện hành

- Việc chấp thuận LSDD:

Quy chế 139/2000/QĐ-TTg chưa quy định cụ thể thẩm quyền của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ trong việc cho phép phía nước ngoài lập cơ quan LSDD tại Việt Nam cũng như xác định khu vực lãnh sự mà LSDD được phép hoạt động.

- Quốc tịch của LSDD:

Chưa nhất quán về quy định về quốc tịch của LSDD giữa Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự (ứng viên LSDD được phép mang quốc tịch nước thứ ba khi nước tiếp nhận đồng ý) và Quy chế 139 (không đề cập tới ứng viên mang quốc tịch nước thứ ba). Điều này không đảm bảo cơ sở pháp lý để giải quyết một số tình huống phát sinh trong thực tiễn. Qua tham khảo thực tiễn một số nước hiện nay, phần lớn các nước (26/45) chấp thuận LSDD là người có thể mang quốc tịch nước thứ 3.

- Khu vực lãnh sự và việc một LSDD đứng đầu nhiều CQLS danh dự:

Theo Quy chế 139, khu vực lãnh sự của CQLS do LSDD đứng đầu không vượt quá địa giới hành chính của một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, Công ước Viên năm 1963 không đưa ra giới hạn như vậy. Ngoài ra, ta cũng chưa có quy định về việc chấp thuận cho 01 người làm LSDD cho nhiều CQLS danh dự tại Việt Nam.

Trên thực tế, một số nước tiếp nhận cũng đã chấp thuận phạm vi hoạt động (khu vực lãnh sự) của LSDD của ta tại nước đó vượt quá phạm vi một tỉnh thành. Đối với LSDD nước ngoài tại Việt Nam, một số nước đã thể hiện mong muốn mở rộng khu vực lãnh sự của LSDD tại Việt Nam. Như vậy, quy định về khu vực lãnh sự cho LSDD tại Quy chế 139 không còn phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế.

- Thực hiện các quyền ưu đãi, miễn trừ đối với CQLS danh dự và LSDD

Các quy định tại Pháp lệnh năm 1993 về việc treo quốc kỳ, quốc huy của Nước cử, biển tên tại trụ sở CQLS do LSDD đứng đầu chưa cụ thể, gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về LSDD và CQLS danh dự. Chưa có quy định phân định rõ: cơ quan lãnh sự danh dự và Lãnh sự danh dự không được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho Lãnh sự danh dự ngoài phạm vi thực hiện chức năng lãnh sự hoặc khi thực hiện các công việc kinh doanh, thương mại của của cá nhân trên lãnh thổ Việt

Nam và không được sử dụng danh nghĩa lãnh sự danh dự cho hoạt động nghề nghiệp thương mại của cá nhân hoặc ngoài phạm vi thực hiện chức năng lãnh sự.

- Pháp luật hiện hành chưa có quy định về: chức năng lãnh sự của cơ quan lãnh sự danh dự và LSDD; khu vực lãnh sự danh dự; nhiệm kỳ của LSDD; quyền và nghĩa vụ của Cơ quan Lãnh sự danh dự và Lãnh sự danh dự; thủ tục cấp chứng minh thư cho LSDD; thay đổi trụ sở hoạt động của cơ quan lãnh sự danh dự; tạm dừng thực hiện chức năng lãnh sự; trách nhiệm của Bộ Ngoại giao.

3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp

Để đáp ứng được các yêu cầu nêu trên, tại dự thảo Nghị định quy định đầy đủ trong khuôn khổ pháp lý nhằm đảm bảo thống nhất với các quy định hiện hành tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định này, Bộ Ngoại giao đã tham khảo, nghiên cứu kỹ các chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan nhà nước khác có liên quan, kinh nghiệm quốc tế, để tham mưu chính sách, quy định phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn, tuân thủ trình tự thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo sự minh bạch, công khai (đăng thông tin dự thảo trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và cổng thông tin của Bộ Ngoại giao).

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam, làm cơ sở để xây dựng các quy định pháp lý bám sát, đồng bộ và thống nhất, không gây ra chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản quản lý khác.

BỘ NGOẠI GIAO

Phụ lục

Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực LSDD nước ngoài tại Việt Nam

STT	Tên loại văn bản	Số, trích yếu	Ngày ban hành
1	Điều ước quốc tế	Công ước Viên về Quan hệ lãnh sự năm 1963	24/04/1963
2	Luật	Luật Cư trú (số 68/2020/QH14)	13/11/2020 Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021
3	Luật	Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (số 47/2014/QH13)	16/06/2014 Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015
4	Luật	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (số 51/2019/QH14)	25/11/2019 Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020
5	Luật	Bộ Luật lao động 2019 (Luật số 45/2019/QH14)	20/11/2019 Luật có hiệu lực kể từ

			ngày 01/01/2021
6	Luật	Luật Tố tụng hành chính	25/11/2015 Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016
7	Luật	Bộ Luật Tố tụng dân sự	25/11/2015 Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016
8	Luật	Bộ Luật Tố tụng hình sự	27/11/2015 Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016
9	Luật	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01	

		năm 2014; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.	
10	Luật	Luật Thuế thu nhập cá nhân Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.	
11	Pháp lệnh	Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam (số 25-L/CTN)	23/08/1993
12	Nghị định	Nghị định của Chính phủ số 73-CP ngày 30/7/1994 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự	30/7/1994 Nghị định có hiệu lực kể từ ngày

		nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.	30/7/1994
13	Nghị định	Nghị định số 75/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	01/7/2020 Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020
14	Quyết định	Quyết định ban hành quy chế về LSDD của nước ngoài tại Việt Nam (số 139/2000/QĐ-TTg)	04/12/2000